

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 126/2018/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 293/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết quy định về phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 193/BC-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng



Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thẩm định hồ sơ và thu, nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đối tượng nộp

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

4. Tổ chức thu

- a) Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.
- b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

5. Mức thu

Thực hiện theo Biểu mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đính kèm nghị quyết này.

6. Kê khai, thu, nộp

- a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.
- b) Định kỳ hằng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại kho bạc nhà nước.
- c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ số tiền phí được để lại.
- d) Tổ chức thu phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Quản lý, sử dụng

Tổ chức thu phí được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi quy định tại Khoản 2, Điều 5,,Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Phần còn lại 10% nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 69/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 07 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH, ddqnhut.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

4

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

| STT | Nội dung | Mức thu phí (Đồng/hồ sơ) |
|-----------|--|-----------------------------|
| I | Người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài | |
| 1 | Đất tại khu vực đô thị | |
| a | Đất ở | 140.000 |
| b | Các loại đất còn lại | 200.000 |
| 2 | Đất tại khu vực nông thôn | |
| a | Đất ở | 100.000 |
| b | Các loại đất còn lại | 160.000 |
| II | Người sử dụng đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | |
| 1 | Diện tích dưới 5.000 m ² | 3.000.000 |
| 2 | Diện tích từ 5.000 m ² đến dưới 10.000 m ² | 4.500.000 |
| 3 | Diện tích từ 10.000 m ² đến dưới 50.000 m ² | 6.000.000 |
| 4 | Diện tích từ 50.000 m ² trở lên | 6.750.000 |

